

## DỐI TRÁ, DỐI TRÁ ĐÁNG NGUYỄN RỬA, VÀ THỐNG KÊ

Câu nói nổi tiếng của Mark Twain “there are three kinds of lies: lies, damned lies, and statistics” phản ánh rất đúng thống kê và phân loại đô thị ở Việt Nam. Nghịch lý thay, chỗ là đô thị trên thực tế thì vẫn đang được xếp là nông thôn; trái lại, chỗ được xếp hạng đô thị thì không đủ tiêu chuẩn.

### Nông thôn hóa thành thị?

Trong 17 đô thị cấp I hiện nay, chỉ duy nhất Biên Hòa đạt chỉ tiêu dân số (trên 500 nghìn người). Còn lại, rất nhiều đô thị phải vài thập niên sau khi được nâng hạng mới đạt chỉ tiêu này và nhiều thành phố không đạt tiêu chuẩn về mật độ. Được nâng hạng đô thị là khao khát của rất nhiều địa phương do căn bệnh thành tích và những lợi lộc liên quan.

Trái lại, khi người dân ùn ùn đổ về TPHCM thì kết quả điều tra và thống kê lại là tiến trình nông thôn hóa thành thị. Tỷ lệ dân số thành thị ở TPHCM đã giảm từ 83,6% năm 1999, xuống 83,3% năm 2009 và 79,2% năm 2019. Hiện vẫn còn hơn 1,8 triệu người được tính là dân số nông thôn.

Rất nhiều nơi ở trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước cao hơn tiêu chuẩn đô thị loại I, nhưng vẫn đang được xếp hạng nông thôn. Có lẽ TPHCM chẳng buồn quan tâm đến việc nâng cấp vì chỉ mua việc chứ đâu lợi lộc gì.

Luật Quy hoạch Đô thị năm 2009 định nghĩa: “*Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn.*” Tiêu chí xác định đô thị như Bảng 1.

**Bảng 1: Tiêu chí xác định đô thị tại Việt Nam**

| Tiêu chí  | Đặc biệt | I         | II  | III | IV  | V  |
|---|----------|-----------|-----|-----|-----|----|
| Quy mô dân số (nghìn người)                         | 5.000    | 500-1.000 | 200 | 100 | 50  | 4  |
| Mật độ dân số toàn đô thị (nghìn/km <sup>2</sup> )  | 3        | 2         | 1,8 | 1,4 | 1,2 | 1  |
| Mật độ dân số/đất xây dựng (nghìn/km <sup>2</sup> ) | 12       | 10        | 8   | 7   | 6   | 5  |
| Tỷ lệ LĐ phi nông nghiệp (%)                        | 90       | 85        | 80  | 75  | 70  | 55 |

*Nguồn: Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của UBTVQH*

Với tỷ trọng nông nghiệp chỉ khoảng 0,8% GRDP, theo định nghĩa và các tiêu chí trên thì gần như toàn bộ TPHCM đã là đô thị. Tuy nhiên, thống kê chính thức thì gần 21% dân số vẫn đang ở nông thôn.

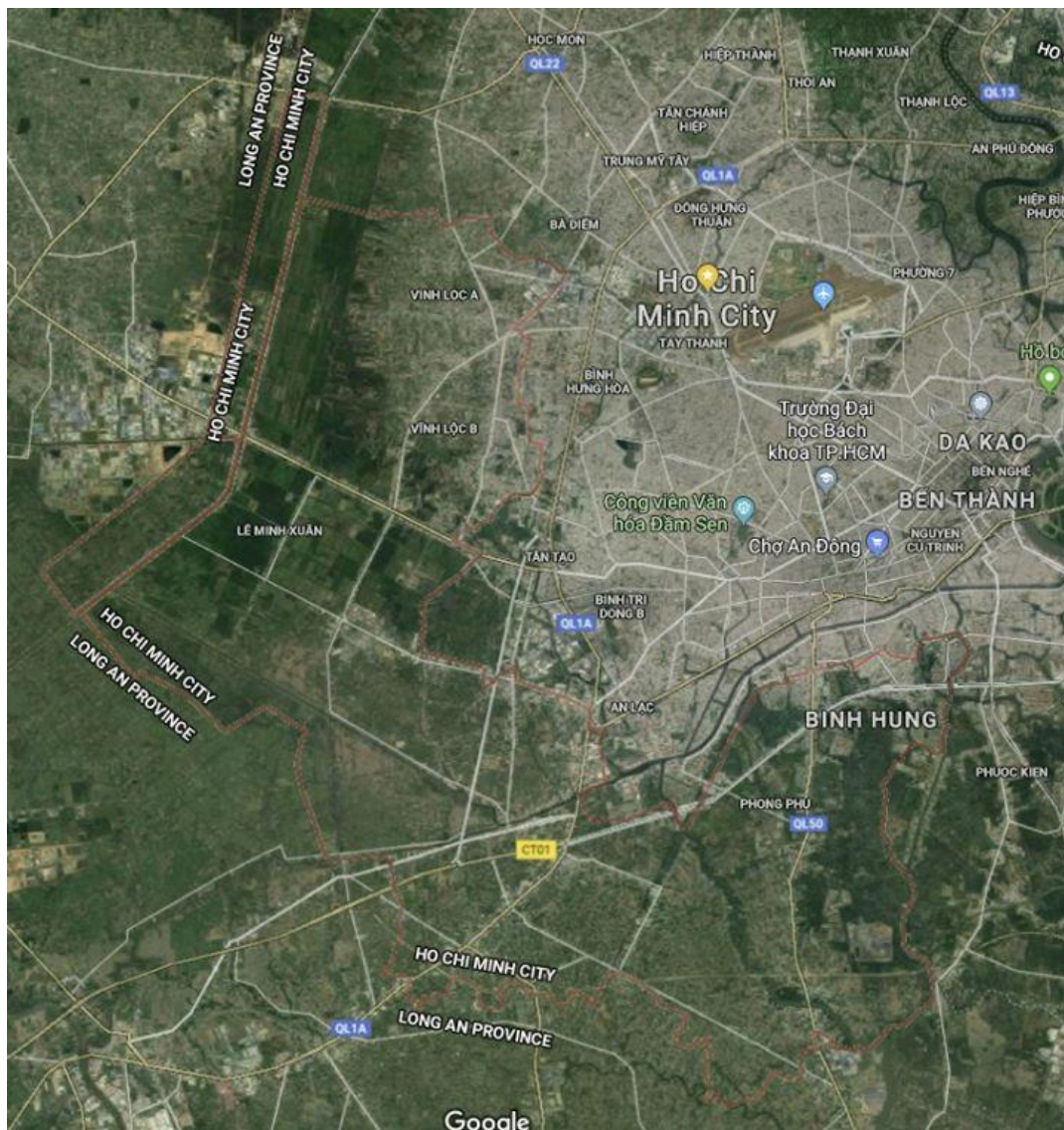
Nguyên nhân là do thống kê xác định dân số thành thị theo định nghĩa: “*Dân số thành thị là dân số các đơn vị lãnh thổ được Nhà nước quy định là khu vực thành thị (phường và thị trấn).*” Cứ gọi là xã thì xếp vào dân số nông thôn.

Ba huyện Bình Chánh, Hóc Môn và Nhà Bè có diện tích 462 km<sup>2</sup>, dân số 1,455 triệu người. Diện tích 3 huyện này chỉ bằng 36% diện tích của Đà Nẵng, nhưng dân số cao hơn 28%. Mật độ dân số toàn đô thị và mật độ dân số trên đất xây dựng ở mức đô thị đặc biệt.

Tuy nhiên, theo số liệu chính thức, ba huyện này chỉ có 86 nghìn người ở thành thị (thuộc ba thị trấn), còn lại là nông thôn. Những người đang sống trong rừng cao ốc ở góc đường Nguyễn Hữu Thọ - Nguyễn Văn Linh thuộc xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè được thống kê là dân số nông thôn.

Vĩnh Lộc A và B, mỗi xã có hơn 120 nghìn người, thấp hơn một chút so với 142 nghìn người của quận 1, 160 nghìn người của Quận 3 và 180 nghìn của Quận 2 một chút nhưng vẫn là nông thôn.

**Hình 1: Huyện Bình Chánh, hai xã Vĩnh Lộc và một phần xã Phước Kiển**



Nguồn: Chụp từ Google Map ngày 30/10/2019

## “Nông thôn” so với “thành thị”?

Đến ngày 26/10/2019, Việt Nam có 17 đô thị loại I trực thuộc tỉnh gồm: Huế, Vinh, Đà Lạt, Nha Trang, Quy Nhơn, Buôn Ma Thuột, Thái Nguyên, Nam Định, Việt Trì, Vũng Tàu, Hạ Long, Thanh Hóa, Biên Hòa, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một, Bắc Ninh, và Hải Dương. Bảng 2 so sánh “nông thôn” Bình Chánh, Hóc Môn và hai xã Vĩnh Lộc với 17 đô thị này.

**Bảng 2: Một số chỉ tiêu về diện tích, dân số và mật độ**

|    | Đô thị           | Loại ĐT | Diện tích<br>Km2 | Dân số      |               | Nhập/xuất cư<br>2010-2017 (%) | Mật độ dân số |          | Mở rộng |
|----|------------------|---------|------------------|-------------|---------------|-------------------------------|---------------|----------|---------|
|    |                  |         |                  | 2017        | Cập nhật Wiki |                               | 2017          | Cập nhật |         |
|    |                  |         |                  | Nghìn người | Nghìn người   | %                             | 1000/km2      | 1000/km2 |         |
| 1  | Biên Hòa         | 1       | 264              | 1,008       | 1100          | 14.9                          | 3.82          | 4.17     | Có      |
|    | BÌNH CHÁNH*      |         | 253              | 706         | 705           | 91.0                          | 2.79          | 2.79     |         |
|    | HÓC MÔN*         |         | 109              | 542         | 542           | 58.0                          | 4.97          | 4.97     |         |
| 2  | Thuận An         |         | 84               | 477         | 603           | 8.5                           | 5.70          | 7.20     |         |
| 3  | Nha Trang        | 1       | 251              | 411         | 422           | -3.6                          | 1.64          | 1.68     |         |
| 4  | Dĩ An            |         | 60               | 390         | 480           | 14.0                          | 6.49          | 7.99     |         |
| 5  | BMT              | 1       | 377              | 365         | 378           | 2.5                           | 0.97          | 1.00     |         |
| 6  | Thái Nguyên      | 1       | 223              | 364         | 364           | 22.4                          | 1.63          | 1.63     | Có      |
| 7  | Thanh Hóa        | 1       | 147              | 360         | 435           | 62.9                          | 2.45          | 2.96     | Có      |
| 8  | Huế              | 1       | 72               | 356         | 455**         | -2.4                          | 4.95          | 6.32     |         |
| 9  | Vũng Tàu         | 1       | 141              | 337         | 351           | 4.3                           | 2.39          | 2.49     |         |
| 10 | Vinh             | 1       | 105              | 320         | 545**         | -2.9                          | 3.05          | 5.19     |         |
| 11 | Thủ Dầu Một      | 1       | 119              | 303         | 325           | 17.9                          | 2.55          | 2.73     |         |
| 12 | Quy Nhơn         | 1       | 280              | 288         | 487           | -5.4                          | 1.03          | 1.74     |         |
| 13 | Long Xuyên       |         | 115              | 286         | 286           | -5.4                          | 2.49          | 2.49     |         |
| 14 | Quảng Ngãi       | 1       | 160              | 255         | 201           | 117.9                         | 1.59          | 1.26     | Có      |
| 15 | Nam Định         | 1       | 46               | 252         | 412           | -4.4                          | 5.49          | 8.96     |         |
| 16 | Bến Cát          |         | 234              | 247         | 306           | 2.4                           | 1.05          | 1.31     |         |
|    | Xã Vĩnh Lộc A+B* |         | 37               | 246         | 246           | 117.0                         | 6.62          | 6.61     |         |
| 17 | Rạch Giá         |         | 105              | 245         | 211           | -1.3                          | 2.33          | 2.01     |         |
| 18 | Hạ Long          | 1       | 272              | 241         | 405           | 0.7                           | 0.89          | 1.49     |         |
| 19 | Hải Dương        | 1       | 73               | 233         |               | 0.6                           | 3.20          | -        |         |
| 20 | Mỹ Tho           | 1       | 84               | 230         | 282           | -0.8                          | 2.74          | 3.36     |         |
| 21 | Bắc Ninh         | 1       | 83               | 205         |               | 13.7                          | 2.48          | -        |         |
| 22 | Việt Trì         | 1       | 112              | 199         |               | -1.4                          | 1.78          | -        |         |

\* Số liệu năm 2019

Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán từ số liệu chính thức

Trong 17 đô thị loại I, chỉ duy nhất Biên Hòa đảm bảo chỉ tiêu dân số. Có 8 Thành phố vừa không đảm bảo chỉ tiêu dân số 500 nghìn người và mật độ 2.000 người/km<sup>2</sup>. Cập nhật đến năm 2019 có Vinh trên 500 nghìn người, nhưng bao gồm cả người không đăng ký cư trú.

Trái lại, “nông thôn” Bình Chánh, dân số đã vượt quá 500 nghìn từ rất lâu và đến nay đã hơn 705 nghìn người, với mật độ gần 2.800 người/km<sup>2</sup>; và “nông thôn” Hóc Môn hiện cũng đã trên 500 nghìn người với mật độ dân số gần 5.000 người/km<sup>2</sup>.

Chỉ gộp riêng hai xã Vĩnh Lộc A&B với tổng diện tích hơn 37 km<sup>2</sup> thì quy mô dân số đã là 246 nghìn người, cao hơn thành phố xếp thứ 17 trong 102 thành phố và thị xã thuộc các Tỉnh ở Việt Nam (trừ 5 thành phố trực thuộc Trung ương). Nếu tách riêng từng xã thì vị trí dân số mỗi xã trong khoảng 50-55 và mật độ dân số nằm trong nhóm 10.

Bảng 2 còn một con số đáng chú ý nữa là nhiều thành phố đang có tình trạng xuất cư rông, trong khi vùng “nông thôn” TPHCM có tốc độ tăng dân số gần 5%/năm. Nhiều người đang bỏ đô thị loại I để đến với “nông thôn” . Nghịch lý thay!

Một số thành phố có tốc độ tăng trưởng dân số rất cao như Quảng Ngãi, Thanh Hóa là **nhờ mở rộng địa giới hành chính** trong khi dân số ở hai Tỉnh này có xuất cư rất nhiều. Một chiêu thức rất ưa dùng đối với nhiều nơi muốn nâng cấp đô thị là “mượn dân” bằng cách nhập các xã lân cận để mở rộng địa giới và quy mô.

### **Một vài lời bình**

Thống kê và điều tra cho các kết quả như trên thì chất lượng của việc hoạch định và thực thi chính sách như thế nào là có thể đoán được.

Tôi cho rằng, nếu Việt Nam bớt bệnh thành tích, bớt nói về những điều to tát như Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 chẳng hạn mà tập trung làm những thứ cơ bản cho tốt lên thì đường đến mục tiêu dân giàu nước mạnh sẽ nhanh và sáng hơn rất nhiều.

**Huỳnh Thế Du**